

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/DS – ST
Ngày: 15/9/2020
V/v “Tranh chấp đòi tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc Dũng;

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 174/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2020/QĐXXST – DS ngày 27 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 261/2020/QĐST – DS ngày 24/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp P1, xã H, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Võ Trung K, sinh năm 1971.

Địa chỉ công tác: Phòng kỹ thuật Công ty Đ tỉnh An Giang, số 13, Đường L, Khóm L3, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang.

(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông K vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 22/6/2020 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Ngô Thị H trình bày:*

Bà H và ông K có quen biết nhau nên ông K có hỏi mượn tiền bà để lo công việc riêng, do tin tưởng nên bà H có cho ông Võ Trung K mượn tiền ba lần đều có làm biên nhận.

Biên nhận 03 (ba) lần cụ thể như sau:

- + Lần 1: 40.000.000 đồng vào ngày 08/12/2014;
- + Lần 2: 40.000.000 đồng vào ngày 17/12/2014;
- + Lần 3: 35.000.000 đồng vào ngày 23/6/2017.

Tất cả những lần mượn tiền ông K đều hẹn sau 02 tháng sẽ thanh toán nhưng đến hạn bà Phương có đòi nhưng ông K chỉ trả được 17.500.000 đồng và không trả khoản tiền còn lại cho bà H.

Bà H yêu cầu ông Võ Trung K phải trả lại cho bà số tiền 97.500.000đ

* Bị đơn ông Võ Trung K không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do hiện nay đã lớn tuổi, sức khỏe yếu đi lại khó khăn. Ông K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa bà Ngô Thị H và ông Võ Trung K là tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Bà Ngô Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do hiện nay đã lớn tuổi, sức khỏe yếu đi lại khó khăn nên xin vắng mặt các phiên xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Phương.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông K tại nơi ông Kiên đang công tác là Phòng kỹ thuật điện Công ty Đ An Giang theo qui định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông K vẫn không gửi văn bản trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

[2] Về nội dung:

Bà H và ông K do quen biết nhau nên bà H đã tin tưởng và nhiều lần cho ông K mượn tiền cụ thể vào ngày 08/12/2014 cho mượn 40.000.000đ; vào ngày 17/12/2014 cho mượn 40.000.000đ; vào ngày 23/6/2017 cho mượn 35.000.000đ. Tất cả những lần mượn tiền này ông Kiên đều có làm biên nhận nợ với bà H và hẹn hai tháng sẽ trả nhưng đến nay chỉ trả cho bà H được 17.500.000đ. Bà H yêu cầu ông K trả cho bà số tiền ông K còn nợ là 97.500.000đ.

Phía bị đơn mặc dù đã được Tòa án được triệu tập hợp lệ nhưng nhiều lần vắng không có lý do, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông K đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, giao dịch dân sự giữa bà H và ông K là hoàn toàn tự nguyện, mỗi lần nhận tiền ông K đều có lập biên nhận với bà H, do ông K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu ông K trả cho bà số tiền 97.500.000đ theo ba biên nhận nợ mà ông K đã lập vào các ngày 08/12/2014; ngày 17/12/2014 và ngày 23/6/2017 là có căn cứ. Mặt khác ông K đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, từ đó có thể thấy ông K biết việc bà H khởi kiện ông để đòi số tiền nợ 97.500.000đ nhưng ông K cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của bà H, đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[3] Về án phí: Ông Võ Trung K phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 177; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 166 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn

- Buộc ông Võ Trung K có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị H số tiền 97.500.000đ (Chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí: Ông Võ Trung K phải chịu 4.875.000đ (bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ngô Thị H và ông Võ Trung K được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đức Anh

